

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 – 3 – 2022  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
2. Ông Lê Văn Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cảnh Khang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 541/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q, sinh năm 1976; trú tại: A160 khu phố BĐ2, phường LT, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1974; trú tại: 28/6 khu phố T, phường VP, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ Q trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đỗ Q và ông Phạm Hoàng L tiến đến hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) ngày 27/11/1995.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng trong cuộc sống,

thường xuyên cãi vã nhau. Ông L thường xuyên uống rượu bia say xỉn rồi chửi bới, văng tục với vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà Q đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông L cũng không có động thái hàn gắn và nói rõ bà Q tự đi thì tự về. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn chung sống với ông L nữa nên bà Q không quay về đoàn tụ với ông L. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hoàng L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Q và ông L có 01 con chung tên Phạm Thị Kim H, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:* Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu gia đình, đơn xác nhận.

*Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 28/12/2021, quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Hoàng L trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện tiền đến hôn nhân. Từ sau khi kết hôn, ông L và bà Q chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn sau đó bà Q dọn về nhà mẹ ruột để sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do con rể sống chung nhà với vợ chồng ông L nhưng có thái độ hỗn láo với mẹ vợ là bà Q nên ông L có uống rượu say xỉn la mắng nặng lời, bà Q không đồng ý nên vợ chồng cãi vã nhau, bà Q chuyển về nhà mẹ ruột sống từ năm 2019. Sau khi sự việc xảy ra ông L và bà Q có nói chuyện, trao đổi với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng bà Q không đồng ý quay về đoàn tụ nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông L xác định còn thương vợ nên sau khi bà Q nộp đơn ly hôn, ông L đã nhiều lần năn nỉ, xin lỗi bà Q; gia đình hai bên đã hòa giải, động viên nhưng bà Q không đồng ý quay về. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, ông L không đồng ý vì còn yêu thương bà Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà Q trình bày và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong vụ án thể hiện bị đơn ông Phạm Hoàng L cư trú tại 28/6 khu phố Trung, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q và ông Phạm Hoàng L tiến đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) ngày 27/11/1995 nên quan hệ hôn nhân của bà Q và ông L là hôn nhân hợp pháp. Bà Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông L không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà Q và ông L đều xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, nhau, ông L uống rượu bia say xỉn về chửi bới, xúc phạm vợ con khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, trong thời gian sống ly thân cả hai đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ, gia đình hai bên đã hòa giải, động viên, đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình tố tụng, bà Q kiên quyết ly hôn, ông L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đỗ Q.

[3.2] Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Kim H, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ Q.  
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q được ly hôn với ông Phạm Hoàng L.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không giải quyết.  
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đỗ Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001772 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Khánh Linh**